

**BẢN SAO**



**CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

*Ban Giám*

---

Hà Nội, tháng 07 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH**

Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

N. O. P.  
C  
K  
THAN

11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25

## CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH

Thị trấn Văn Điền, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Formach (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thế Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khoa	Ủy viên
Ông Nguyễn Đăng Văn	Ủy viên
Ông Trần Công Bình	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thư Anh	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Cường - Tổng Giám đốc Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.




**CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH**

Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Phạm Văn Cường

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2020



Số: 325 /VACO/BCKiT.NV2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Formach**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Formach (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15 tháng 07 năm 2020, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ số dư công nợ phải thu, phải trả, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản Phải thu khách hàng chưa đối chiếu, xác nhận là 7.960.887.182 VND (chiếm 78% số dư); Trong đó, Công ty đã trích lập dự phòng 6.168.169.118 VND (số dư tại ngày 31/12/2018 chưa được đối chiếu là 9.397.938.983 VND).
- Giá trị các khoản Người mua trả tiền trước chưa đối chiếu, xác nhận là 3.137.363.562 VND (chiếm 100% trong tổng số dư, số dư tại ngày 31/12/2018 chưa đối chiếu là 3.308.182.473 VND).
- Giá trị các khoản Phải thu ngắn hạn khác chưa đối chiếu là 23.822.282.031 VND (chiếm 98%); Trong đó, Công ty đã trích lập dự phòng 3.452.793.180 VND (số dư tại ngày 31/12/2018 chưa đối chiếu là 21.557.139.328 VND).
- Giá trị các khoản Trả trước cho người bán chưa đối chiếu là 5.079.125.620 VND (chiếm 58% trong tổng số dư); Trong đó, Công ty đã trích lập dự phòng 3.903.212.580 VND (số dư tại ngày 31/12/2018 chưa được đối chiếu là 8.753.897.466 VND).
- Giá trị các khoản Phải trả người bán ngắn hạn chưa đối chiếu là 5.642.286.451 VND (chiếm 92% trong tổng số dư Phải trả người bán ngắn hạn là 7.589.044.822 VND, số dư tại ngày 31/12/2018 chưa được đối chiếu là 7.486.838.898 VND).
- Giá trị các khoản Phải trả ngắn hạn khác chưa đối chiếu là 6.559.098.299 VND (chiếm 97% trong tổng số dư tại ngày 31/12/2019, số dư tại ngày 31/12/2018 chưa được đối chiếu là 18.219.216.081 VND).
- Giá trị các khoản Vay và nợ thuê tài chính chưa đối chiếu, xác nhận là 330.000.000 VND (chiếm 3% trong tổng số dư, số dư tại ngày 31/12/2018 chưa được đối chiếu là 407.000.000 VND).

Các thủ tục kiểm toán thay thế khác đã được chúng tôi thực hiện. Tuy nhiên, các bằng chứng kiểm toán thu thập được không đầy đủ và thích hợp. Theo đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá tính hiện hữu, đầy đủ, chính xác, quyền và nghĩa vụ về giá trị của các khoản công nợ nêu trên, và ảnh hưởng của vấn đề trên báo cáo tài chính (nếu có) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**Văn Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh**  
Lầu 6, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-28) 3840 6618  
Fax: (84-28) 3840 6616

**Văn Phòng tại Tp. Đồng Nai**  
Số 79 Đ. Hà Huy Tập, P. Quyết Thắng  
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai  
Tel: (84-251) 382 8560  
Fax: (84-251) 382 8560

**Văn Phòng tại Tp. Hải Phòng**  
Tầng 4, số 19, Đ. Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ  
Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-225) 353 4655  
Fax: (84-225) 353 4316

1/3  
TY  
+  
ĐAI  
O  
HỆ



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty xác định khả năng thu hồi của các khoản nợ đã quá hạn làm cơ sở trích lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi tồn đọng từ trước năm 2014 nhưng chưa ghi nhận trên báo cáo tài chính với tổng giá trị dự phòng ước tính là 7.943.719.527 VND (giá trị dự phòng tương ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4.874.037.296 VND). Nếu ước tính theo thời gian quá hạn của các khoản nợ trên cơ sở các quy định của hợp đồng kinh tế và các quy định hiện hành thì giá trị chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán sẽ được điều chỉnh giảm cùng số tiền là 7.943.719.527 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4.874.037.296 VND).

Theo các điều khoản của Hợp đồng liên danh số 68/HĐLD-2008 ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã ký kết giữa Công ty và Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô ký về việc “Hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà Trung tâm thương mại - Văn phòng - Căn hộ cao cấp tại ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội”, Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô cam kết hoàn thành dự án đầu tư đến hết năm 2014 (bao gồm thời gian dự phòng chậm tiến độ). Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán phù hợp liên quan đến tiến trình thực hiện dự án, cũng như các cam kết, và nghĩa vụ tài chính liên quan đến hợp đồng liên danh. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được tính đầy đủ của các khoản chi phí/lợi ích tiềm tàng, các nghĩa vụ tài chính liên quan đến tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tình trạng thanh toán, cũng như các ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của giá trị Hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển với số tiền 5.714.910.822 VND (tại ngày 31/12/2018 là 6.600.061.542 VND). Các bằng chứng thu thập được không đảm bảo tính đầy đủ và hợp lý; Theo đó, chúng tôi không đánh giá được giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) liên quan đến giá trị hàng tồn kho này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con với giá trị góp vốn là 2.850.000.000 VND. Các thủ tục kiểm toán thay thế khác đã được thực hiện, tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp. Vì vậy, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên báo cáo tài chính (nếu có) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.



Chữ Mạnh Hoan  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403/2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO  
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2020

Nguyễn Thị Huyền  
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2016-156-1

CHUNG THỰC BAN SAO DUNG HUYEN BAN CHINH  
Ngày: 15-10-2020  
Quyển số: SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Đăng Nhung

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>35.691.542.310</b>	<b>40.744.591.903</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>309.863.811</b>	<b>1.633.105.348</b>
1. Tiền	111		309.863.811	1.633.105.348
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>29.131.630.830</b>	<b>29.112.354.901</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	10.247.980.386	12.371.457.581
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	8.788.582.366	8.817.652.380
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	24.165.190.801	21.557.139.328
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(14.070.122.723)	(13.633.894.388)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>6.242.534.532</b>	<b>9.607.518.215</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.150.277.407	11.204.552.664
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.907.742.875)	(1.597.034.449)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.513.137</b>	<b>391.613.439</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.513.137	103.461.172
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	288.152.267
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>23.169.878.512</b>	<b>24.270.932.103</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.981.042.304</b>	<b>13.979.185.621</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	12.981.042.304	13.979.185.621
- Nguyên giá	222		41.189.170.753	41.189.170.753
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.208.128.449)	(27.209.985.132)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		62.706.000	62.706.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(62.706.000)	(62.706.000)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.253.160.226</b>	<b>7.253.160.226</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	7.253.160.226	7.253.160.226
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.850.000.000</b>	<b>2.850.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	2.850.000.000	2.850.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>85.675.982</b>	<b>188.586.256</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	85.675.982	188.586.256
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>58.861.420.822</b>	<b>65.015.524.006</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>56.398.887.544</b>	<b>61.707.899.283</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.203.437.544</b>	<b>41.267.839.483</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6.136.511.085	7.589.044.822
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	3.137.363.562	3.734.006.457
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	6.611.833.293	9.548.256.130
4. Phải trả người lao động	314		322.293.048	814.865.736
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		327.499.069	339.011.069
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	6.730.098.299	18.219.216.081
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	11.921.400.000	1.007.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.439.188	16.439.188
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.195.450.000</b>	<b>20.440.059.800</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	21.195.450.000	20.440.059.800
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>19</b>	<b>2.462.533.278</b>	<b>3.307.624.723</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.080.033.278</b>	<b>2.925.124.723</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.044.600.000	13.044.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.044.600.000	13.044.600.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.587.517.659	1.587.517.659
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(12.552.084.381)	(11.706.992.936)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(11.706.992.936)	(11.736.202.603)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(845.091.445)	29.209.667
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>382.500.000</b>	<b>382.500.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		382.500.000	382.500.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>58.861.420.822</b>	<b>65.015.524.006</b>



Phạm Văn Cường  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2020

Lê Thị Thu Loan  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thái Thanh  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		17.417.806.207	44.229.466.167
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.124.334	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	17.413.681.873	44.229.466.167
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	22	14.761.872.348	40.738.332.090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.651.809.525	3.491.134.077
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	298.469.579	48.323.187
7. Chi phí tài chính	22	24	1.400.928.648	624.188.917
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.400.928.648	623.871.941
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2.394.261.552	2.865.776.875
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		(844.911.096)	49.491.472
10. Thu nhập khác	31		-	1.362.574
11. Chi phí khác	32		180.349	1.276.019
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(180.349)	86.555
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(845.091.445)	49.578.027
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	20.368.360
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(845.091.445)	29.209.667
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(647,85)	22,39



Phạm Văn Cường  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2020

Lê Thị Thu Loan  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thái Thanh  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	01	(845.091.445)	49.578.027
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	998.143.317	1.037.705.462
- Các khoản dự phòng	03	1.746.936.761	1.387.064.602
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	102.745
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(298.469.579)	(47.931.238)
- Chi phí lãi vay	06	1.410.965.996	623.871.941
3. Lợi nhuận/ (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.012.485.050	3.050.391.539
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(71.403.962)	3.916.372.854
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	2.054.275.257	2.105.063.047
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.469.561.735)	(8.604.892.190)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	102.910.274	364.891.638
- Tiền lãi vay đã trả	14	(72.000.000)	(623.871.941)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(687.419.184)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.443.295.116)	(479.464.237)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(892.510.831)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.850.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	298.469.579	47.931.238
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	298.469.579	(3.694.579.593)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	11.574.360.000	9.385.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(20.916.960.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	20.414.400.000	13.274.839.328
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.500.000.000)	(18.677.008.194)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(750.216.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	821.584.000	3.982.831.134
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.323.241.537)	(191.212.696)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.633.105.348	1.824.420.789
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(102.745)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	309.863.811	1.633.105.348



Phạm Văn Cường  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2020

Lê Thị Thu Loan  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thái Thanh  
Người lập biểu

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Formach là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 595/QĐ/BNN-TCCB do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ký ngày 23 tháng 02 năm 2001.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102809, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18 tháng 8 năm 2015 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ là của Công ty là 13.044.600.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 42 người (tại 31 tháng 12 năm 2018 là 91 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo các máy chế biến gỗ, máy lâm nghiệp, thiết bị nâng hạ, chuyển tải, các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành lâm nghiệp và các ngành kinh tế khác;
- Sản xuất kết cấu thép, lắp dựng nhà xưởng và thiết bị, sản xuất vật liệu xây dựng, cán kéo thép, lắp ráp ô tô, xe máy;
- Chế biến gỗ và làm các lâm sản khác, dịch vụ xăng dầu, cung cấp vật tư, kỹ thuật, thiết bị phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân;
- Xây lắp thi công các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông nông thôn và lâm nghiệp, các công trình thủy lợi và thủy điện nhỏ, các loại đường bán thấm nhựa;
- Xuất khẩu các sản phẩm nông lâm hải sản, sản phẩm cơ khí và thủ công mỹ nghệ;
- Nhập khẩu: Vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất và chế biến lâm nông sản và cơ khí, phương tiện vận tải và hàng tiêu dùng;
- Dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, thể dục thể thao; Kinh doanh văn phòng, kho bãi, xây dựng đường dây tải điện và trạm biến áp có cấp điện áp từ 35kV trở xuống;
- Xây dựng thi công các công trình cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và điện lạnh;
- Chế tạo phụ tùng xe máy, bảo dưỡng và dịch vụ bán hàng xe máy; Kinh doanh hóa chất dùng trong ngành thực phẩm, mỹ phẩm và các ngành công nghiệp khác (trừ các hóa chất Nhà nước cấm);
- Chế tạo, lắp đặt và chuyển giao công nghệ, thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường; Đóng mới các loại thùng xe tải và xe chuyên dùng;
- Lắp đặt các thiết bị nâng hạ trên phương tiện giao thông: Sửa chữa, phục hồi, hoán cải các phương tiện cơ giới đường bộ;
- Và một số ngành nghề đăng ký kinh doanh khác.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kết cấu thép, lắp dựng nhà xưởng và thiết bị, sản xuất vật liệu xây dựng, cán kéo thép;
- Xây lắp thi công các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông nông thôn và lâm nghiệp, các công trình thủy lợi và thủy điện nhỏ, các loại đường bán thấm nhựa.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Không có vấn đề biến động lớn nào được đánh giá là có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ lập báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Cấu trúc Công ty bao gồm Văn phòng Công ty và các đơn vị phụ thuộc sau:

- Xí nghiệp Đúc
- Xí nghiệp Cơ điện
- Xí nghiệp Thiết bị nâng
- Xí nghiệp Xây lắp FORMACH
- Xí nghiệp FORMACH Sài Gòn
- Chi nhánh Xí nghiệp FORMACH Tam Hiệp
- Chi nhánh FORMACH Hà Nội
- Chi nhánh FORMACH Sài Gòn

Công ty CP Cơ khí Chế tạo 19-3: là Công ty con do Công ty sở hữu 95% vốn điều lệ.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

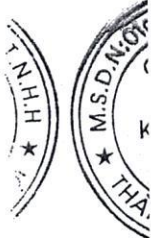
**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.





### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

##### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp. Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	08 - 15
Thiết bị văn phòng	05 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 15
Tài sản cố định khác	05 - 25



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là trang web của Công ty được khấu hao trong 5 năm.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản sửa chữa và một số tài sản nhưng không làm tăng nguyên giá của tài sản. Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

##### Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**4. TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	42.610.590	135.205.563
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	267.253.221	1.497.899.785
<b>Cộng</b>	<b>309.863.811</b>	<b>1.633.105.348</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng VICEM Hoàng Thạch	1.602.741.379	1.602.741.379
Công ty CP Công nghiệp E. Nhất	772.153.795	1.022.268.795
Công ty CP TMDV Xây dựng Kinh doanh Nhà Tín Nghĩa	707.642.543	707.642.543
Công ty CP Cơ khí và Thiết bị Công nghiệp MIQCOM	-	667.573.400
Công ty TNHH Mía đường Nghệ An	165.575.520	566.658.400
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	444.751.425	444.751.425
Công ty CP Mía đường Sông Con	149.785.000	349.785.000
Công ty CP Mía đường Lam Sơn	-	115.907.238
Công ty CP Phát triển Công nghệ T.A.P Việt Nam	446.028.980	10.000
Công ty CP Cao su Ten Lin	330.381.223	330.381.223
Công ty Kinh doanh Phát triển Nhà Hà Nội	206.957.191	206.957.191
Công ty CP Thủy điện Nậm Công Sơn La	398.410.775	402.947.543
Công ty TNHH An Trường	90.001.060	90.001.060
Đối tượng khác	4.933.551.495	5.863.832.384
<b>Cộng</b>	<b>10.247.980.386</b>	<b>12.371.457.581</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự án Gỗ Campuchia (i)	4.669.364.666	4.669.364.666
Công ty Tây Nam - K.LTD (Gỗ Campuchia) (i)	3.639.760.746	3.639.760.746
Công ty GATIRICA	104.369.000	104.369.000
Các đối tượng khác	375.087.954	404.157.968
<b>Cộng</b>	<b>8.788.582.366</b>	<b>8.817.652.380</b>

**Ghi chú:**

- (i) Trả trước cho người bán để thực hiện Dự án Gỗ Campuchia. Hiện tại, dự án đã dừng hoạt động. Công ty đã trích lập dự phòng với số tiền là 3.639.760.746 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>24.165.190.801</b>		<b>21.557.139.328</b>	
- Ký cược, ký quỹ	6.074.842		130.440.395	
- Phải thu Dự án hợp tác kinh doanh 102 Trường Chinh (i)	15.230.358.224		14.478.164.152	
- Cổ tức chi vượt phải thu lại	843.621.524		843.621.524	
- Tạm ứng	1.331.329.375		1.391.860.569	
- Phải thu bảo hiểm xã hội	3.710.586		4.348.903	
- Phải thu khác	6.750.096.250		4.708.703.785	
<i>Xí nghiệp Thiết bị Nâng (ii)</i>	<i>737.206.000</i>		<i>737.206.000</i>	
<i>Ông Nguyễn Bá Nghĩa (ii)</i>	<i>635.642.148</i>		<i>635.642.148</i>	
<i>Xí nghiệp Xây Lắp (ii)</i>	<i>548.492.773</i>		<i>548.492.773</i>	
<i>Ông Tống Sơn Hà (iii)</i>	<i>203.919.906</i>		<i>203.919.906</i>	
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>4.624.835.423</i>		<i>2.583.442.958</i>	
<b>Cộng</b>	<b>24.165.190.801</b>		<b>21.557.139.328</b>	
<b>Trong đó:</b>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan</i>	<i>2.853.498.386</i>		<i>-</i>	

**Ghi chú:**

- (i) Khoản phải thu Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô theo Hợp đồng liên danh số 68/HĐLD-2008 ngày 24 tháng 10 năm 2008 về việc hợp tác đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại - Văn phòng - Căn hộ cao cấp tại ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- (ii) Các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán, không có khả năng thu hồi và đã được trích lập dự phòng 100% giá trị.
- (iii) Khoản công nợ phải thu khác với ông Tống Sơn Hà đã quá hạn thanh toán, không có khả năng thu hồi, Công ty chưa trích lập đầy đủ giá trị dự phòng.

**8. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Tây Nam-K.LTD	3.639.760.746	-	3.639.760.746	-
Ông Nguyễn Bá Nghĩa	635.642.148	-	635.642.148	-
Bộ NN & PTNT	444.751.425	-	444.751.425	-
Nhà máy Đường Nông Công	172.443.000	-	172.443.000	-
Công ty TNHH Thành Công	217.816.821	-	217.816.821	-
Công ty Lắp máy Xây dựng Số 3	286.089.881	-	286.089.881	-
Công ty CPTM Tín Nghĩa	707.642.543	-	707.642.543	-
Công ty KDPT Nhà Hà Nội	206.957.191	-	206.957.191	-
Các đối tượng khác	7.759.018.968	-	7.322.790.633	-
<b>Cộng</b>	<b>14.070.122.723</b>	<b>-</b>	<b>13.633.894.388</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu (i)	1.493.749.625	-	1.540.999.489	-
Công cụ, dụng cụ (i)	117.194.318	-	8.930.476	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (ii)	7.126.066.611	(2.907.742.875)	9.150.798.214	(1.597.034.449)
Thành phẩm (i)	413.266.853	-	503.824.485	-
<b>Cộng</b>	<b>9.150.277.407</b>	<b>(2.907.742.875)</b>	<b>11.204.552.664</b>	<b>(1.597.034.449)</b>

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31/12/2019, tổng giá trị hàng tồn kho (nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và thành phẩm) tồn đọng chậm luân chuyển là 1.912.894.478 VND. Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của các mặt hàng tồn kho.
- (ii) Tại ngày 31/12/2019, tổng giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tồn đọng, chậm triển khai là 6.591.204.984 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá giá trị chi phí sản xuất dở dang không thể triển khai, không thu hồi được và đã trích lập dự phòng là 2.907.742.875 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH**

Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	20.617.974.617	14.342.848.423	4.046.787.147	376.069.610	1.805.490.956	41.189.170.753
Số dư cuối năm	20.617.974.617	14.342.848.423	4.046.787.147	376.069.610	1.805.490.956	41.189.170.753
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LUY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	13.286.690.002	11.279.389.025	2.163.225.736	370.512.485	110.167.884	27.209.985.132
Khấu hao trong năm	608.789.488	223.568.117	153.004.403	5.557.125	7.224.184	998.143.317
Số dư cuối năm	13.895.479.490	11.502.957.142	2.316.230.139	376.069.610	117.392.068	28.208.128.449
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu năm	7.331.284.615	3.063.459.398	1.883.561.411	5.557.125	1.695.323.072	13.979.185.621
Số dư cuối năm	6.722.495.127	2.839.891.281	1.730.557.008	-	1.688.098.888	12.981.042.304

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 21.040.272.410 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 19.889.728.270 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự án 102 đường Trường Chinh (i)	7.253.160.226	-	7.253.160.226	-
<b>Cộng</b>	<b>7.253.160.226</b>	<b>-</b>	<b>7.253.160.226</b>	<b>-</b>

Ghi chú:

- (i) Chi phí xây dựng cơ bản là chi phí xây dựng tài sản tại Dự án 102 Trường Chinh. Dự án đã được góp vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng liên danh số 68/HĐLD-2008 ngày 24 tháng 10 năm 2008.

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con						
Công ty CP Cơ khí Chế tạo 19-3	2.850.000.000	-	-	2.850.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.850.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.850.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Ghi chú:

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa xác định được do chưa đủ các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
	%	%	%	%
Chi tiết khoản đầu tư vào Công ty con				
Công ty CP Cơ khí Chế tạo 19-3	95%	95%	-	-

Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo 19-3 được thành lập theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 16/HĐQT-III/NQ ngày 12/09/2019, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108438279 ngày 19/09/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kết cấu thép, lắp dựng nhà xưởng và thiết bị, sản xuất vật liệu xây dựng, cán kéo thép.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng (trên 12 tháng)	-	67.677.500
Các khoản chi phí khác	85.675.982	120.908.756
<b>Cộng</b>	<b>85.675.982</b>	<b>188.586.256</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Mỏ đá và VLXD	1.602.741.381	1.602.741.381	1.602.741.381	1.602.741.381
Công ty TNHH SX DV và TM Thịnh Linh	430.848.480	430.848.480	700.852.330	700.852.330
Công ty CP TM Hải Anh	563.249.580	563.249.580	563.249.580	563.249.580
Công ty XNK & Đầu tư Xây dựng Hà Nội	496.319.797	496.319.797	496.319.797	496.319.797
Công ty TNHH MHE-DEMAG Việt Nam	-	-	425.823.984	425.823.984
Công ty CP Nồi hơi Việt Nam	274.958.000	274.958.000	274.958.000	274.958.000
Công ty CP Công nghiệp E. Nhất	416.434.150	416.434.150	416.434.150	416.434.150
Công ty TNHH SXKD và XNK Nguyễn Vinh	-	-	221.940.600	221.940.600
Phải trả cho các đối tượng khác	2.351.959.697	2.351.959.697	2.886.725.000	2.886.725.000
<b>Cộng</b>	<b>6.136.511.085</b>	<b>6.136.511.085</b>	<b>7.589.044.822</b>	<b>7.589.044.822</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Trung Thành	550.000.000	550.000.000
Công ty TNHH TMXD & Vận tải Duy Mạnh	328.098.198	328.098.198
Công ty TNHH SX và TM TBCN Việt Nhật	242.320.000	242.320.000
Công ty CP Việt Nam ATZ	222.605.000	222.605.000
Công ty CP Đầu tư XDTM DV Tổng hợp Thanh Bình	431.728.000	431.728.000
Ông Đinh Văn Thảo	415.675.958	415.675.958
Các đối tượng khác	946.936.406	1.543.579.301
<b>Cộng</b>	<b>3.137.363.562</b>	<b>3.734.006.457</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	6.317.376	632.909.368	539.487.084	99.739.660
Thuế thu nhập doanh nghiệp	223.507.690	-	-	223.507.690
Thuế thu nhập cá nhân	42.159.246	67.341.895	88.843.146	20.657.995
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.040.530.769	6.596.294.400	9.499.046.527	137.778.642
Các loại thuế khác	6.235.741.049	(99.833.598)	5.758.145	6.130.149.306
<b>Cộng</b>	<b>9.548.256.130</b>	<b>7.196.712.065</b>	<b>10.133.134.902</b>	<b>6.611.833.293</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	288.152.267	2.275.511.505	2.563.663.772	-
<b>Cộng</b>	<b>288.152.267</b>	<b>2.275.511.505</b>	<b>2.563.663.772</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>6.730.098.299</b>	<b>18.219.216.081</b>
Kinh phí công đoàn	715.023.181	404.690.929
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	466.757.917	1.216.973.917
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.548.317.201	16.597.551.235
- Phát hành CP tăng vốn điều lệ (i)	42.400.000	9.385.000.000
- Công ty CP Tổng hợp Bắc Hà (ii)	2.520.260.000	2.520.260.000
- Đối tượng khác	2.985.657.201	4.692.291.235
<b>b) Dài hạn</b>	<b>21.195.450.000</b>	<b>20.440.059.800</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.195.450.000	440.059.800
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô (iii)	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>c) Trong đó: Phải trả khác ngắn hạn là bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>1.939.000.000</b>

Ghi chú:

(i) Theo Nghị quyết số 39/HĐQT-III/NQ ngày 4/12/2018 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty: Công ty thực hiện phát hành thêm 1.304.460 cổ phiếu, giá trị theo mệnh giá là 13.044.600.000 VND, vốn điều lệ sau khi tăng vốn là 26.089.200.000 VND, tuy nhiên lộ trình tăng vốn chưa được thực hiện, cụ thể:

- Thời gian chào bán cổ phiếu là từ ngày 4/12/2018 - 19/12/2018.
- Theo Công văn số 1321/TCT-PC&KSNB ngày 27/12/2018 về việc hoãn thời gian tăng vốn điều lệ khi Tổng Công ty Lâm Nghiệp nhận được ý kiến trả lời của Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại Tổng Công ty; và
- Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2019 - Công ty CP Formach số 06/2019/ĐHCĐBT/NQ ngày 28/1/2019 về việc kéo dài thời gian đăng ký mua cổ phần tăng vốn điều lệ đến ngày 31/03/2019. Khoản tiền đã nhận từ các cổ đông nộp tiền mua cổ phiếu được theo dõi trên tài khoản phải trả khác. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 46/HĐQT-III/NQ ngày 11/12/2019 đã thống nhất trả lại toàn bộ số tiền mà cổ đông đã nộp để mua cổ phần tăng vốn điều lệ đợt tháng 12/2018 và đợt tháng 7/2019.

Theo Phương án chào bán cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ Công ty số 55/HĐQT/PA ngày 12/12/2019 của Hội đồng Quản trị về việc tăng Vốn điều lệ từ 13.044.600.000 VND lên 26.089.200.000 VND kéo dài thời gian tăng vốn điều lệ đến năm 2020.

(ii) Phải trả tiền góp vốn vào Dự án Gõ Campuchia. Hiện tại dự án đã dừng hoạt động.

(iii) Khoản tiền Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô chuyển cho Công ty theo Hợp đồng liên danh số 68/HĐLD-2008 ngày 24 tháng 10 năm 2008.

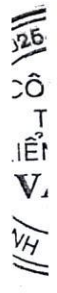
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	1.007.000.000	1.007.000.000	20.414.400.000	9.500.000.000	11.921.400.000	11.921.400.000
Vay cá nhân	600.000.000	600.000.000	20.414.400.000	9.500.000.000	11.514.400.000	11.514.400.000
Bà Hoàng Thị Soi (i)	-	-	10.200.000.000	-	10.200.000.000	10.200.000.000
Ông Đỗ Văn Mạnh	-	-	9.500.000.000	9.500.000.000	-	-
Ông Phạm Văn Cường (i)	100.000.000	100.000.000	354.400.000	-	454.400.000	454.400.000
Ông Nguyễn Thị Nhân (i)	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
Bà Lê Thị Đệ (i)	-	-	30.000.000	-	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Văn Khoa (i)	-	-	330.000.000	-	330.000.000	330.000.000
<b>Vay ngắn hạn đối tượng khác</b>	<b>407.000.000</b>	<b>407.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>407.000.000</b>	<b>407.000.000</b>

Ghi chú:

- (i) Vay cá nhân là khoản vay các cá nhân trong Công ty theo các hợp đồng vay vốn cá nhân. Thời hạn của các hợp đồng này dưới 12 tháng, mục đích vay vốn là phục vụ cho các khoản chi của Formach, lãi suất 9%/năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.





**CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH**

Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn kinh phí	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	13.044.600.000	1.587.517.659	(10.692.634.603)	382.500.000	4.321.983.056
Lãi trong năm	-	-	29.209.667	-	29.209.667
Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.043.568.000)	-	(1.043.568.000)
Số dư đầu năm nay	13.044.600.000	1.587.517.659	(11.706.992.936)	382.500.000	3.307.624.723
Lãi/ (Lỗ) trong năm	-	-	(845.091.445)	-	(845.091.445)
Số dư cuối năm nay	13.044.600.000	1.587.517.659	(12.552.084.381)	382.500.000	2.462.533.278

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Lâm Nghiệp	3.624.100.000	27,78%	3.624.100.000	27,78%
Đối tượng khác	9.420.500.000	72,22%	9.420.500.000	72,22%
<b>Cộng</b>	<b>13.044.600.000</b>	<b>100%</b>	<b>13.044.600.000</b>	<b>100%</b>

Theo Nghị quyết số 39/HDDQT-III/NQ ngày 4/12/2018 của Hội đồng Quản trị, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ của Công ty thông qua việc phát hành tăng thêm 1.304.460 cổ phiếu, tổng giá trị tăng thêm là 13.044.600.000 VND, vốn điều lệ sau khi tăng là 26.089.200.000 VND. Đối tượng phát hành cổ phiếu là cổ đông hiện hữu của Công ty. Đồng thời, theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2019 - Công ty CP Formach số 06/2019/ ĐHCĐBT/NQ ngày 28/1/2019, Công ty thực hiện kéo dài thời gian tăng vốn điều lệ đến ngày 31/03/2019. Theo Phương án chào bán cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ Công ty số 55/HĐQT/PA ngày 12/12/2019 của Hội đồng Quản trị về việc tăng Vốn điều lệ từ 13.044.600.000 VND lên 26.089.200.000 VND kéo dài thời gian tăng vốn điều lệ đến năm 2020.

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	686,60	711,16
- EUR	255,07	343,99

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	6.197.941.418	25.037.401.176
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.219.864.789	19.192.064.991
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>17.417.806.207</b>	<b>44.229.466.167</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>4.124.334</b>	<b>-</b>
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán;	4.124.334	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>17.413.681.873</b>	<b>44.229.466.167</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	13.997.290.268	39.148.535.558
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	764.582.080	1.589.796.532
<b>Cộng</b>	<b>14.761.872.348</b>	<b>40.738.332.090</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	298.469.579	47.931.238
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	391.949
<b>Cộng</b>	<b>298.469.579</b>	<b>48.323.187</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.400.928.648	623.871.941
Chênh lệch tỷ giá	-	316.976
<b>Cộng</b>	<b>1.400.928.648</b>	<b>624.188.917</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.102.817.371	1.799.263.343
Chi phí đồ dùng văn phòng	47.838.636	56.636.493
Thuế, phí và lệ phí	-	73.654.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	214.215.545	164.788.652
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	436.228.335	(202.731.930)
Các khoản chi phí QLDN khác	593.161.665	974.165.394
<b>Cộng</b>	<b>2.394.261.552</b>	<b>2.865.776.875</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.607.238.239	12.555.736.869
Chi phí nhân công	4.962.825.666	11.288.929.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	998.143.317	1.037.705.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.429.771.979	13.463.508.126
Chi phí dự phòng (i)	1.746.936.761	1.387.064.602
Chi phí khác bằng tiền	1.386.486.335	1.813.246.427
<b>Cộng</b>	<b>15.131.402.297</b>	<b>41.546.190.836</b>

Ghi chú:

- (i) Chi phí trích lập dự phòng trong năm bao gồm dự cho công nợ phải thu là 436.228.335 VND và dự phòng cho hàng tồn kho là 1.310.708.426 VND.

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận, lỗ trước thuế	(845.091.445)	49.578.027
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	52.263.771
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	52.263.771
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(845.091.445)</b>	<b>101.841.798</b>
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>(845.091.445)</b>	<b>101.841.798</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>20.368.360</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(845.091.445)	29.209.667
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(845.091.445)	29.209.667
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	1.304.460	1.304.460
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(647,85)</b>	<b>22,39</b>

**29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty có phát sinh giao dịch, số dư trong năm như sau:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối liên hệ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo 19-3	Công ty con
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Ban Lãnh đạo
Tổng Công ty Lâm Nghiệp	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể

*Ngoài số dư với bên liên quan đã trình bày tại thuyết minh số 7, số 17, trong năm, Công ty còn có các giao dịch và số dư với bên liên quan như sau:*

*Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Đầu tư góp vốn</b>		
Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo 19-3	-	2.850.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan:*

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn Ông Phạm Văn Cường	454.400.000	100.000.000
<b>Phải trả phải nộp khác</b>		
Ông Phạm Văn Cường - Chi phí lãi vay	29.434.352	1.000.000

*Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:*

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	754.981.971	814.865.736

**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành trong năm không bao gồm số tiền 42 triệu VND (năm 2018 là 9,3 tỷ VND) là số tiền chưa được trả lại cho chủ sở hữu. Theo đó, giá trị này được ghi nhận tương ứng trong chỉ tiêu Tăng/Giảm các khoản phải trả trên Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.



Phạm Văn Cường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2020

Lê Thị Thu Loan  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thái Thanh  
Người lập biểu



**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319,  
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,  
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
Tel: +84-24 3577 0781  
Fax: +84-24 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Văn phòng Hồ Chí Minh**

Tầng 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84-28 3840 6618  
Fax: +84-28 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Văn phòng Đồng Nai**

79 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng,  
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
Tel: +84-251 3828 560  
Fax: +84-251 3828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

**Văn phòng Hải Phòng**

Tầng 4, số 19 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ,  
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng  
Tel: +84-225 353 4655  
Fax: +84-225 353 4316  
Email: vacohp@vaco.com.vn

**Ha Noi Office**

12A Floor, 319 Corporation Tower  
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,  
Cau Giay District, Hanoi City  
Tel: +84-24 3577 0781  
Fax: +84-24 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Ho Chi Minh Office**

6<sup>th</sup> Floor, HUD Building, No. 159 Dien Bien Phu Street  
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City  
Tel: +84-28 3840 6618  
Fax: +84-28 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Dong Nai Office**

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,  
Bien Hoa City, Dong Nai Province  
Tel: +84-251 3828 560  
Fax: +84-251 3828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

**Hai Phong Office**

4<sup>th</sup> Floor, No. 19 Dien Bien Phu Street, May To Ward,  
Ngo Quyen District, Hai Phong City  
Tel: +84-225 353 4655  
Fax: +84-225 353 4316  
Email: vacohp@vaco.com.vn

